



DOLICO

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



Số 238 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai



(0251) 3899790



(0251) 3899102



<https://dolicovn.com>

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2020

MỤC LỤC

Phần 1

07

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

Phần 2

19

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo phát triển bền vững

Phần 3

35

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
Tình hình tài chính
Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
Kế hoạch phát triển tương lai

Phần 4

43

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Phần 5

49

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các khoản gia dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Phần 6

55

Báo cáo tài chính

PHẦN 1



07	Thông tin khái quát
08	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
09	Quá trình hình thành và phát triển
11	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý
15	Định hướng phát triển
17	Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Tên viết tắt	DOLICO
Tên tiếng Anh	Dong Nai Agricultural Livestock Product Joint – Stock Company
Mã cổ phiếu	NSS
Vốn điều lệ	102.639.420.000 đồng
Trụ sở chính	238, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại	(0251) 3899790
Fax	(0251) 3899102
Email	dolicomail@dolicovn.com
Website	https://dolicovn.com
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13/06/2019.



Công ty hoạt động ở địa bàn tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác trên toàn quốc

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo
Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm
Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi
Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt
Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt
Sản xuất thức ăn gia súc



Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông, vải)
Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến
Chế biến rau, củ, quả



Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh)
Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi; xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi
Xây dựng địa ốc, cơ sở hạ tầng
Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ
Kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc



Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho
Bán buôn xe gắn máy
Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải)
Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải)
Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
Trồng rừng và chăm sóc rừng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai tiền thân là Công ty Chăn Nuôi Đồng Nai được thành lập ngày 17/02/1978 theo Quyết định số 97/QĐ/UBT của UBND Tỉnh Đồng Nai dưới quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Công văn số 1710/CV/UBT ngày 31/03/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Chăn nuôi Đồng Nai đã tiến hành các thủ tục để cổ phần hoá và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai - Ngày 04/02/2005, Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai chính thức ban hành Quyết định số 761/QĐ/CT-UBT về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá của Công ty Chăn nuôi Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai việc bán cổ phần theo phương án cổ phần hoá đã được phê duyệt và đăng kí kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai

Trải qua quá trình hoạt động và phát triển dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã mở rộng quy mô vốn từ 34.213.140.000 đồng lên 102.639.420.000 đồng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp số 3600267730 và đăng kí thay đổi lần thứ 7 ngày 10/11/2016

Công ty nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất – kinh doanh, đưa ra sản phẩm chất lượng cho người tiêu dùng

1978 - 1991

2004 - 2005

2006 - 2007

2019 - 2020

1992 - 2003

2004 - 2005

2017 - 2018

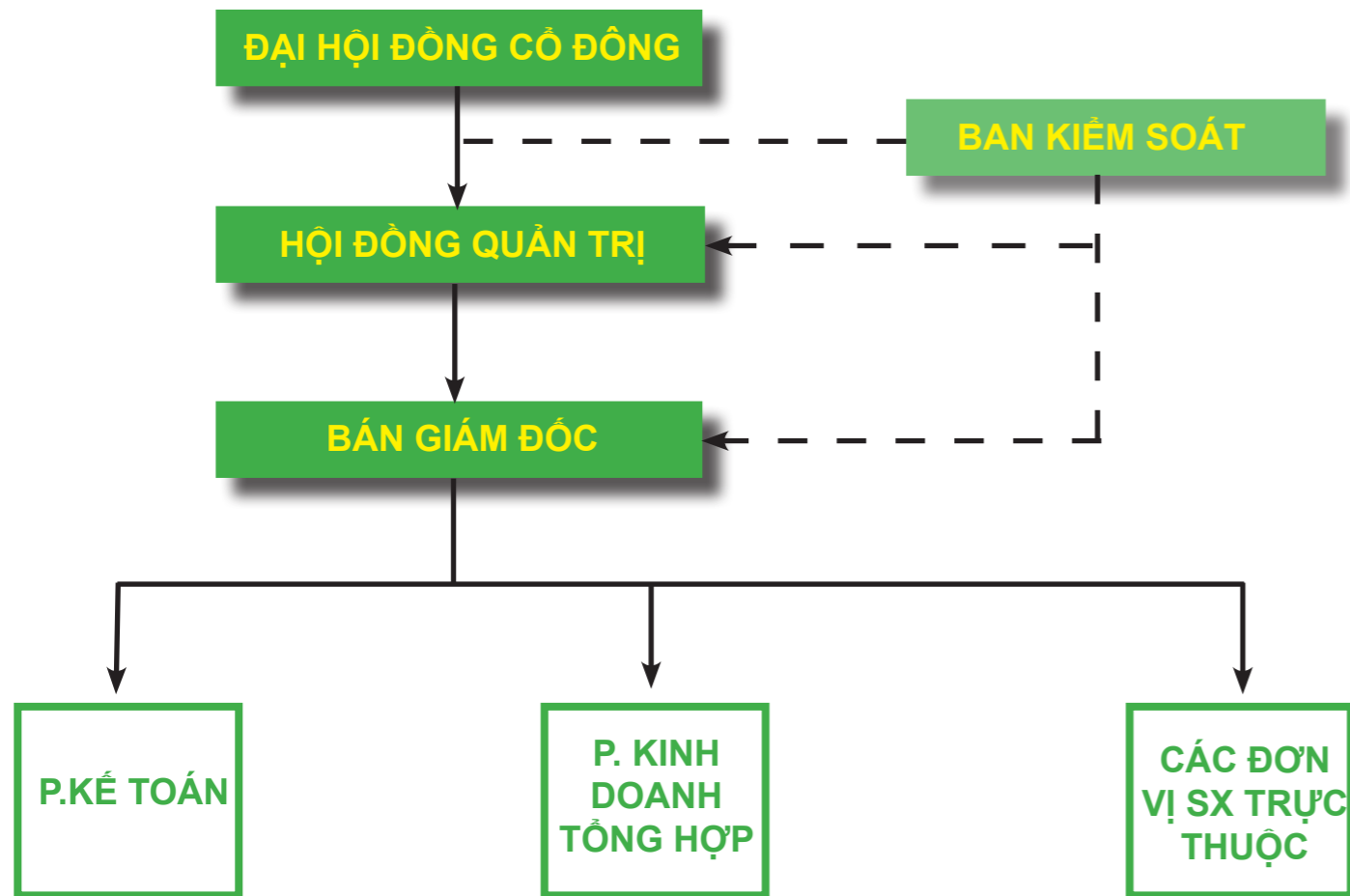
UBND Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2116/QĐ/UBT ngày 19/11/1992 để thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có Công ty Chăn nuôi Đồng Nai theo chính sách đổi mới và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước lúc bấy giờ

Ngày 29/08/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 4703000269 cho Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai với mức vốn điều lệ là 56.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả bán cổ phần thực tế, số lượng cổ phần chào bán thành công (bao gồm số lượng cổ phần do Nhà nước tiếp tục nắm giữ) là 3.421.314 cổ phần, tương ứng vốn thực góp 34.213.140.000 đồng

Công ty nộp hồ sơ đăng kí công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 6322/UBCK-GSĐC ngày 19/09/2018. Ngày 20/07/2018, Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông để đăng kí lưu kí chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng kí chứng khoán số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 với mã chứng khoán là NSS. Ngày 23/10/2018, SGĐCK Hà Nội ban hành Quyết định số 680/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng kí giao dịch cổ phiếu của Công ty. Ngày 30/10/2018, Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán NSS

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định



PHÒNG KẾ TOÁN

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc toàn bộ hoạt động tài chính của Công ty tổ chức hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả tài chính, thực hiện các nhiệm vụ thu chi quản lý các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đảm bảo vốn cho quá trình hoạt động sản xuất của Công ty; Lập báo cáo quyết toán quý, năm của Công ty gửi các cơ quan liên quan đúng thời hạn; Có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các tài liệu kế toán



PHÒNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Tham mưu cho Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham mưu các hợp đồng kinh doanh mua nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, mua sắm... tham mưu các thủ tục mua sắm tài sản, xây dựng các định mức về nhiên liệu, vật tư, xe máy, thiết bị,... nghiệm thu tổng hợp khối lượng công việc thực hiện để làm biên bản xác nhận khối lượng thực hiện các đơn vị liên quan



BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân lực, xe máy, vật tư... và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công trực tiếp của Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về công việc của mình



BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT TRỰC THUỘC

Các đơn vị sản xuất trực thuộc bao gồm: Trại heo Dolico Tân An, Trại heo Dolico Suối Cao, Trại heo Dolico Xuân Thành, Phân xưởng chế biến thức ăn gia súc và Cửa hàng giới thiệu sản phẩm. Các đơn vị sản xuất trực thuộc trên chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về các công tác điều hành sản xuất và công tác nhân lực tại các cơ sở

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty mẹ

Thông tin khái quát

Tên Công ty	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI – MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH
Địa chỉ	Số 833A, Xa Lộ Hà Nội, khu phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại	(0251) 3836 110
Số fax	(0251) 3836 132
Vốn điều lệ	3.3035.078.019.542 đồng
Vốn góp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai	86.541.420.000 đồng, chiếm 84,32% vốn điều lệ
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3600253505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/08/2018

Công Ty Cổ Phần Nông Súc Sản Đồng Nai Không Có Công Ty Con Và Công Ty Liên Kết



Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu

In ấn; đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nông nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao, hạ tầng khu dân cư; kinh doanh bất động sản; đầu tư kinh doanh khu du lịch; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm khác

Đầu tư trồng trọt, thu mua, chế biến thuốc lá, nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu, kinh doanh và xuất khẩu; sản xuất, mua bán, xuất khẩu thuốc lá điếu các loại; nhập khẩu trực tiếp các nguyên, phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế cho sản xuất thuốc lá; sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại bao bì, vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá

Kinh doanh và cho thuê kho bãi, nhà xưởng, tài sản, nhà cửa; đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác; giết mổ gia cầm, gia súc; chế biến thịt gia súc, gia cầm đóng gói và đóng hộp; trồng cây nông nghiệp, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả; dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu; chăn nuôi heo, gà, vịt, cá, tôm; dịch vụ hỗ trợ trồng trọt và chăn nuôi; chế biến nông sản và sản xuất thực phẩm chăn nuôi



Đơn vị trực thuộc

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	VỊ TRÍ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3 Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vỹ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo giống Vĩnh Cửu	Tổ 11, Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Trại heo thịt thương phẩm Thạnh Phú	Tổ 8, Ấp 5, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Về sản phẩm

Tập trung vào phát triển lĩnh vực chăn nuôi heo, cung cấp những sản phẩm đảm bảo an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định với giá trị và chất lượng vượt trội



Về quy mô sản xuất

Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất kinh doanh với cơ sở hạ tầng và thiết bị vật tư hiện đại, mang tính tự động hóa cao, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho đàn heo. Đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đầy đủ trang thiết bị cho nhân viên Công ty, nâng cao chất lượng và năng suất công việc

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh

Đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình chăn nuôi để tìm ra các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tăng tỷ lệ phối giống, nâng cao năng suất sản xuất và mang lại hiệu quả cho Công ty, cổ đông và người lao động

Về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y

Đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh chuồng trại, chăm sóc và kiểm tra tình trạng sức khỏe đàn heo định kỳ, thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cần thiết và kịp thời

Về hoạt động đầu tư

Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở sản xuất chăn nuôi hiện có, đồng thời đẩy nhanh tiến độ các dự án dở dang. Triển khai các phương án, chiến lược hoạt động phù hợp để thúc đẩy kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định



Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Về công tác sản xuất

- Với chiến lược “Không đầu tư dàn trải”, Công ty đưa ra thứ tự ưu tiên đầu tư nhằm kiểm soát chi phí một cách hiệu quả và mang lại lợi nhuận tối đa.
- DOLICO không ngừng đầu tư nghiên cứu để cải thiện chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của công ty.
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên bộ trong sản xuất, chăn nuôi nhằm tăng năng suất, hạn chế rủi ro dịch bệnh, định kỳ thăm khám sức khỏe đàn heo.
- Sử dụng các kỹ thuật phối giống mới nhằm

tăng khả năng đậu thai và sinh nở, hạn chế tình trạng sinh non ở đàn heo.

- Nghiên cứu và sử dụng các chế độ ăn uống, thực đơn hợp lý, đảm bảo về mặt chi phí đầu vào cũng như chất lượng đầu ra của đàn heo.
- Giữ mối quan hệ với các khách hàng cũ đồng thời chủ động tìm kiếm, mở rộng mạng lưới khách hàng và nhà đầu tư mới cho Công ty.
- Đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động cho cán bộ, nhân viên Công ty.



Về công tác quản lý

- Tổ chức bộ máy hoạt động phù hợp với tình hình thị trường và điều kiện Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động.
- Tăng cường hoạt động kiểm soát nhằm đảm bảo nhân viên Công ty tuân thủ đúng các quy định đã ban hành.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Công tác chăn nuôi của Công ty luôn gắn liền với các hoạt động đảm bảo vệ sinh môi trường, tất cả các cơ sở sản xuất, chuồng trại đều được đầu tư, trang bị hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý mùi hôi, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường theo quy định hiện hành, giúp đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh đồng thời giảm bớt các nguy cơ bùng phát và lây lan dịch bệnh trên đàn heo. Nhờ đó, Công ty có thể đảm bảo uy tín và nâng cao hình ảnh đối với các khách hàng và đối tác.

DOLICO cũng tham gia nhiều hoạt động đóng góp cho cộng đồng và tạo việc làm cho người lao động địa phương thông qua các hoạt động tài trợ, khuyến khích CBCNV, đóng góp và tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp cho đồng bào miền Trung chịu ảnh hưởng của thiên tai,...

CÁC RỦI RO

Rủi ro cạnh tranh

Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội phát triển cho kinh tế Việt Nam, trong đó có ngành chăn nuôi. Mức thuế suất xuất khẩu thịt lợn sang châu Âu giảm còn 0%, giúp các sản phẩm chăn nuôi của doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội cạnh tranh ngang bằng với các sản phẩm địa phương. Tuy nhiên, ở khía cạnh ngược lại thì các sản phẩm và doanh nghiệp châu Âu cũng sẽ dễ dàng xâm nhập vào thị trường Việt Nam và gây sức ép lên các doanh nghiệp chăn nuôi trong nước về cả mặt giá cả lẫn chất lượng. Thêm vào đó, do tình hình hình dịch tả lợn châu Phi vẫn còn tiếp diễn, nguồn cung thịt lợn trong nước sụt giảm, giá cả tăng cao nên Chính phủ phải tăng cường nhập khẩu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Tính đến hết ngày 01/08/2020, nhập khẩu thịt lợn đã tăng đến 223% so với cùng kỳ năm 2019. Theo đó, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại cũng dần mở rộng ngành nghề sang chăn nuôi để tận dụng lợi thế về giá cả và lợi thế từ các Hiệp định thương mại. Như vậy, các doanh nghiệp chăn nuôi trong nước phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh đến từ các doanh nghiệp trong nước lẫn nước ngoài. Nhận thức được những rủi ro trên, Công ty tập trung phát triển, cải tiến kỹ thuật để tạo ra sản phẩm chất lượng với giá thành hợp lý; đồng thời theo dõi nắm bắt tình hình thị trường để đưa ra các chính sách, chiến lược nhằm duy trì ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro pháp luật

Công ty đang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được giao dịch trên hệ thống UpCom nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý có liên quan khác. Bên cạnh đó thì Công ty cũng bị giám sát và chi phối bởi Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn vệ sinh thực phẩm và Luật Chăn nuôi. Các văn bản pháp luật trên vẫn luôn được Nhà nước sửa chữa, hoàn thiện, do đó Công ty tiếp tục chủ động theo dõi và cập nhật những thay đổi mới nhất để điều chỉnh kế hoạch và chiến lược hoạt động sao cho phù hợp với thực tế.

Rủi ro đặc thù ngành

Những rủi ro đặc thù mà ngành chăn nuôi phải đối mặt là rủi ro về dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, biến động giá, ... Trong năm 2020, tình hình dịch tả lợn châu Phi đã bớt nghiêm trọng hơn so với năm 2019, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ dịch bệnh tiếp tục lan rộng, gây ảnh hưởng lên toàn bộ đàn heo và gây ra thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi, thị trường chăn nuôi Việt Nam trải qua tình trạng cung giảm – cầu tăng, đẩy giá bán lên cao. Để giảm thiểu rủi ro đặc thù ngành và tận dụng những thuận lợi từ giá bán tăng cao, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp phòng, chống dịch bệnh như vệ sinh chuồng trại, khu vực xung quanh; vệ sinh con người, phương tiện di chuyển, hạn chế phương tiện di chuyển ra vào trại, phun thuốc khử trùng tiêu độc, tiêm vaccine đầy đủ theo định kỳ. Bên cạnh đó, vaccine dịch tả lợn đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công và đưa vào sản xuất thương mại kể từ quý II/2021, mang lại nhiều triển vọng cho ngành chăn nuôi nói chung và Công ty nói riêng.

Rủi ro lãi suất

Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước quyết định hạ lãi suất 3 lần để hỗ trợ nền kinh tế, lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn; từ 0,1 - 0,2% năm đối với kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,5 - 4,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4 - 7,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng. Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,0 - 8,4%/năm. Lãi suất cho vay bằng VND phổ biến ở mức 6-9%/năm đối với khoảng vay ngắn hạn và 9-11% đối với khoản vay trung và dài hạn. Các quyết định này nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp giảm chi phí vốn vay, phục hồi tăng trưởng kinh tế. Để hạn chế các rủi ro liên quan đến lãi suất, Công ty luôn chủ động theo dõi và cập nhật các biến động lãi suất để đưa ra biện pháp đầu tư và thay đổi cơ cấu vốn cho phù hợp.

Rủi ro khác

Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp và gây ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, DOLICO luôn chủ động cập nhật, nắm bắt thông tin để đưa ra các chính sách, chiến lược hoạt động phù hợp. Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty còn chịu nhiều rủi ro không thể lường trước như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ... Để giảm thiểu thiệt hại, Công ty luôn chủ động phòng tránh và có biện pháp giải quyết khi rủi ro xảy ra.

PHẦN 2



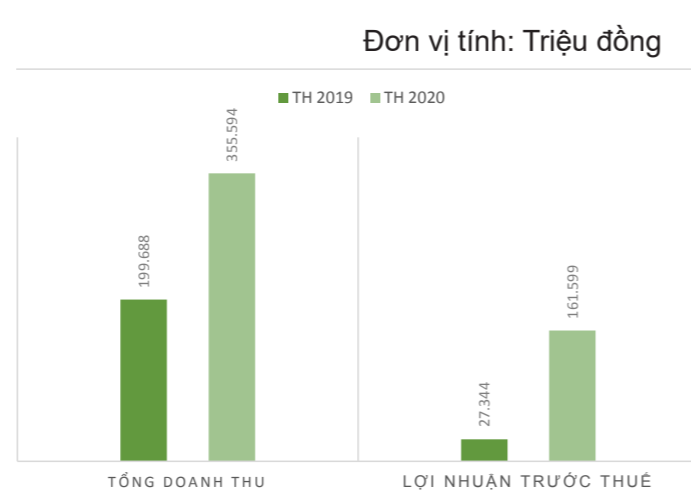
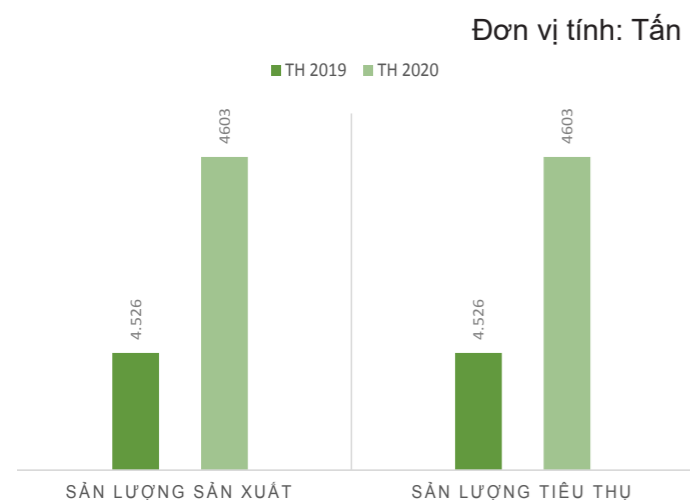
21	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
23	Tổ chức và nhân sự
27	Tình hình tài chính
31	Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
33	Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	SO SÁNH (%)	
					TH 2020/ KH 2020	TH 2020/ TH 2019
Sản lượng sản xuất	Tấn	4.526	3.360	4.603	136,99%	101,70%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	4.526	3.360	4.603	136,99%	101,70%
Tổng doanh thu	Tr.đ	199.688	219.180	355.594	162,24%	178,07%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	27.344	42.000	161.599	384,76%	590,99%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	17,10%	50,00%	122,00%	244,00%	713,40%

Nền kinh tế năm 2020 gặp nhiều trở ngại khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp các khu vực, lãnh thổ trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi heo còn phải đối mặt với nhiều thử thách do dịch tả lợn châu Phi lây lan rộng và phải đến quý II/2021, vắc xin mới được sản xuất rộng rãi. Tuy nhiên, nhờ thực hiện các biện pháp phòng dịch kịp thời và hiệu quả, sản lượng thịt heo của Công ty sản xuất và tiêu thụ đạt đến 4.603 tấn, tăng 1,70% so với cùng kỳ năm 2019 và vượt 36,99% so với kế hoạch đề ra ban đầu.

Đồng thời, trong các tháng đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp làm nguồn cung thịt lợn bị hạn chế và không đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, do đó giá thịt lợn tăng cao, nhờ vậy doanh thu Công ty đã đạt 355,59 tỷ đồng, tương đương 162,24% kế hoạch đề ra và tăng 78,07% so với cùng kỳ năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 161,60 tỷ đồng, vượt 284,76% mục tiêu đề ra và gấp gần 6 lần so với lợi nhuận trước thuế cùng kỳ năm 2019. Nhờ doanh thu và lợi nhuận vượt trội mà hoạt động sản xuất, kinh doanh mang lại, tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty đạt đến 122%, gấp hơn 7 lần so với cùng kỳ, và đạt 244% kế hoạch đề ra.



Cơ cấu doanh thu

KHOẢN MỤC	2019		2020	
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)
Doanh thu từ hoạt động chính	194.549	97,43	347.266	97,66
Doanh thu từ heo giống	-	-	427	0,12
Doanh thu từ heo thịt	194.549	97,43	346.839	97,54
Doanh thu từ hoạt động tài chính	5.139	2,57	8.328	2,34
Tổng cộng	199.688	100%	355.595	100%

Cơ cấu doanh thu của Dolico không có sự thay đổi nhiều so với năm 2019. Doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh heo thịt và hoạt động tài chính. Trong đó, doanh thu từ heo thịt năm 2020 đạt 346,84 tỷ đồng, chiếm 97,54% trong tổng doanh thu và tăng đến 78,50% so với cùng kỳ năm 2019. Hoạt động tài chính mang lại doanh thu 8,33 tỷ đồng, chiếm 2,34% trong tổng doanh thu và tăng đến 62,05% so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh đó, Công ty còn có hoạt động kinh doanh heo giống và đạt doanh thu 427 triệu đồng, tương đương 0,12% tổng doanh thu.

Cơ cấu lợi nhuận sau thuế

KHOẢN MỤC	2019		2020	
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)
Lợi nhuận từ hoạt động chính	19.002	82,61%	130.173	95,14%
Lợi nhuận từ heo giống	-	-	100	0,07%
Lợi nhuận từ heo thịt	19.002	82,61%	130.073	95,07%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	4.000	17,39%	6.663	4,86%
Lợi nhuận khác	-	-	(9,1)	-
Tổng cộng	23.002	100%	136.827	100%

Lợi nhuận của Công ty phần lớn vẫn đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh heo thịt. Tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động chính có sự tăng trưởng rõ rệt khi lợi nhuận từ heo thịt tăng từ 82,61% lên 95,07%. Ngoài ra, lợi nhuận của Công ty còn có sự đóng góp của hoạt động tài chính, tuy nhiên hoạt động này chỉ chiếm một phần nhỏ (4,86%) trong tổng lợi nhuận của Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	ĐINH VĂN HỒNG	Chủ tịch	Đại diện sở hữu: 2.654.142 cổ phiếu, chiếm 25,86% vốn điều lệ
2	NGUYỄN DIÊN TƯỜNG	Phó Chủ tịch	Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ
3	ĐINH NGỌC MẾN	Thành viên	Cá nhân sở hữu: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
4	TRẦN MINH PHƯƠNG	Thành viên	Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu, chiếm 0,66% vốn điều lệ
5	LÊ THỊ KHÁNH XƯƠNG	Thành viên	Cá nhân sở hữu: 810.000 cổ phiếu, chiếm 7,89% vốn điều lệ
BAN ĐIỀU HÀNH			
1	NGUYỄN DIÊN TƯỜNG	Giám đốc	Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ
2	TRẦN MINH PHƯƠNG	Phó Giám đốc	Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu, chiếm 0,66% vốn điều lệ
3	ĐINH NGỌC MẾN	Kế toán trưởng	Cá nhân sở hữu: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
BAN KIỂM SOÁT			
1	HOÀNG NGỌC LONG	Trưởng ban	Cá nhân sở hữu: 1.200 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
2	TRẦN THỊ VŨ HẬU	Thành viên	Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ
3	NGÔ THỊ CẨM HÀ	Thành viên	Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ

Lý lịch Ban Giám đốc

Năm sinh: 1962
Quê quán: Thừa Thiên - Huế
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kỹ thuật
Quá trình công tác:

- 03/1982 – 05/1994: Cán bộ tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 06/1994 – 08/2005: Phó Giám đốc tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 09/2005 – 04/2007: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 05/2007 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Giám Đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:

- Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% VDL
- Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% VDL

Năm sinh: 1963
Quê quán: Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

- 08/1984 – 09/1987: Nhân viên tại Công ty kinh doanh lương thực tỉnh Đồng
- 10/1987 – 08/2005: Nhân viên kế toán tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 09/2005 – 09/2006: Kế toán Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 10/2006 – 04/2019: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:

- Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% VDL
- Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu, chiếm 0,66% VDL

Năm sinh: 1976
Quê quán: Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

- 04/2004 - 09/2005: Thủ kho tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 10/2005-05/2016: Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 06/2016 – 04/2019: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Ông
NGUYỄN DIÊN TƯỜNG
Phó Chủ tịch HĐQT -
Giám đốc

Ông
TRẦN MINH PHƯƠNG
Thành viên HĐQT -
Phó Giám đốc

Ông
ĐINH NGỌC MẾN
Thành viên HĐQT - Kế
toán trưởng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

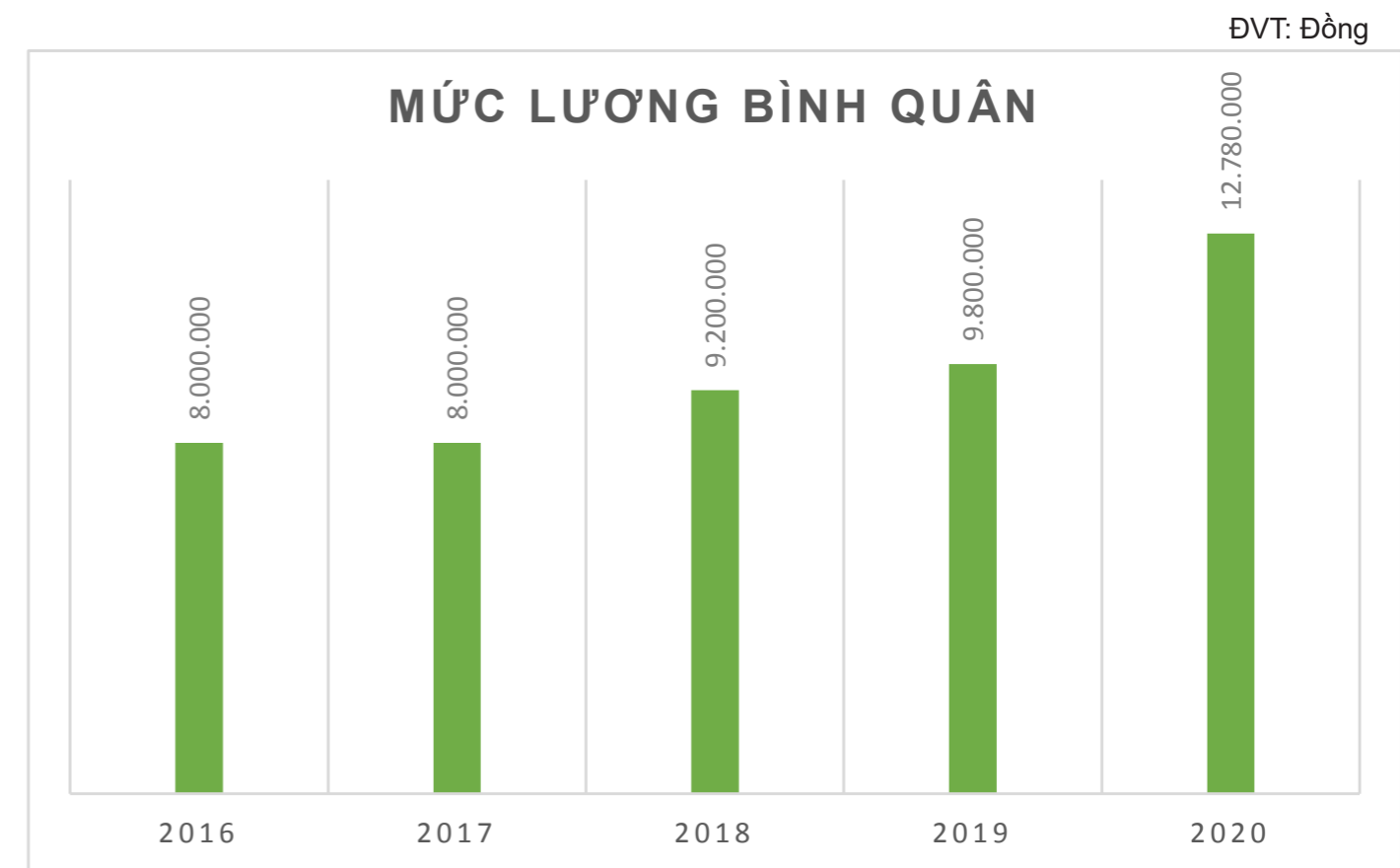
Cơ cấu người lao động

STT	TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
A	Theo trình độ	127	100%
1	Trên Đại học	-	-
2	Đại học	16	12,60%
3	Cao đẳng	-	-
4	Khác	111	87,40%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	127	100%
1	Hợp đồng có xác định thời gian	11	8,66%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	116	91,34%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	-	-

Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố cốt lõi của sự phát triển bền vững của Công ty, do đó để tạo ra môi trường làm việc thân thiện, gắn kết tập thể, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, tạo điều kiện để người lao động được hưởng các chế độ của Nhà nước một cách đầy đủ nhất. Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương thưởng theo quy định của Nhà nước kết hợp với các quy chế của Công ty. Tiền lương luôn được đảm bảo trả bằng hoặc cao hơn mức tối thiểu của vùng theo Nghị định của Chính phủ. Người lao động được hưởng đầy đủ chế độ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời, dựa vào quy định pháp luật về lao động, kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh, quá trình hoạt động mà công ty sẽ có các chế độ lương, thưởng phù hợp để khích lệ, thúc đẩy năng suất lao động. Các chế độ nghỉ phép năm được thực hiện theo đúng quy trình hiện hành của Nhà nước, nhân viên được xét lên lương khi đến kỳ hạn. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao hàng năm nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng có nhiều chính sách hỗ trợ khi người lao động gặp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi nhân viên hoặc thân nhân đau ốm, gia đình có ma chay, hiếu hỷ,...

Thu nhập bình quân



Công tác đào tạo

Công ty luôn đề ra các kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và khả năng quản lý của toàn bộ nhân viên công ty, nhờ đó mà năng suất lao động được cải thiện, đáp ứng nhu cầu công việc nâng cao. Hơn nữa, Công ty cũng thường xuyên cập nhật nhiều công nghệ tiên tiến và đào tạo nhân viên áp dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả công việc.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	TĂNG/ GIẢM SO VỚI 2019 (%)
Tổng tài sản	215.032	290.951	35,31%
Doanh thu thuần	194.549	347.267	78,50%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	27.345	161.608	491,00%
Lợi nhuận khác	0	-9,1	-
Lợi nhuận trước thuế	27.345	161.599	490,96%
Lợi nhuận sau thuế	23.002	136.827	494,85%

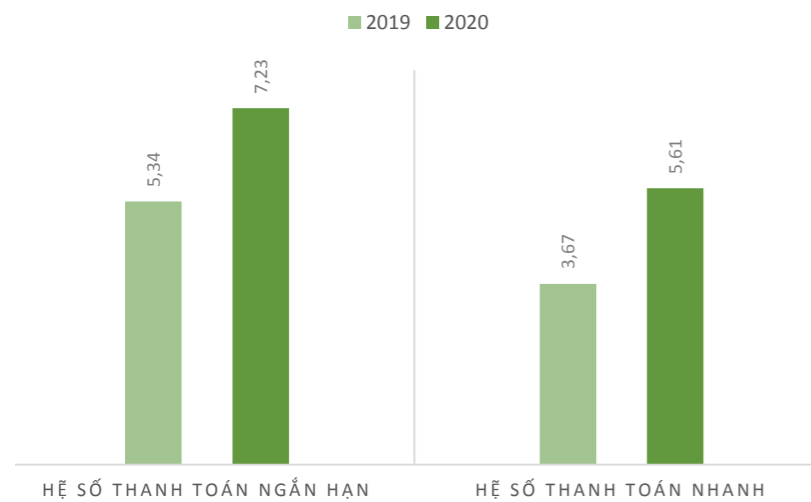
Các chỉ tiêu tài chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2019	2020
A Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,34	7,23
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,67	5,61
B Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	12,07	10,36
2	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	13,73	11,55
C Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,88	4,07
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,88	1,37
D Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	11,82	39,4
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,6	60,83
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	10,44	54,08
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,06	46,54

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

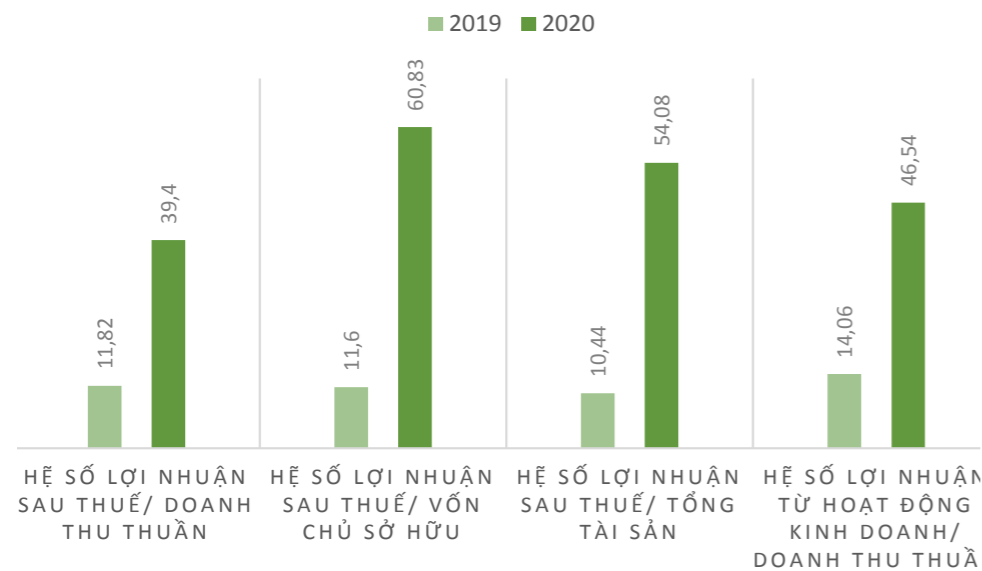
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Các hệ số thanh toán của Công ty đều tăng so với năm 2019. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 7,23 vòng, tăng 1,89 vòng; hệ số thanh toán nhanh đạt 5,61 vòng, tăng 1,94 vòng so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng thêm 58,43% nhờ dòng tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn cũng tăng nhẹ ở mức 17,05% do Công ty chi trả thêm cho người lao động khi đạt năng suất lao động và mang lại hiệu quả hoạt động tốt cho Công ty.

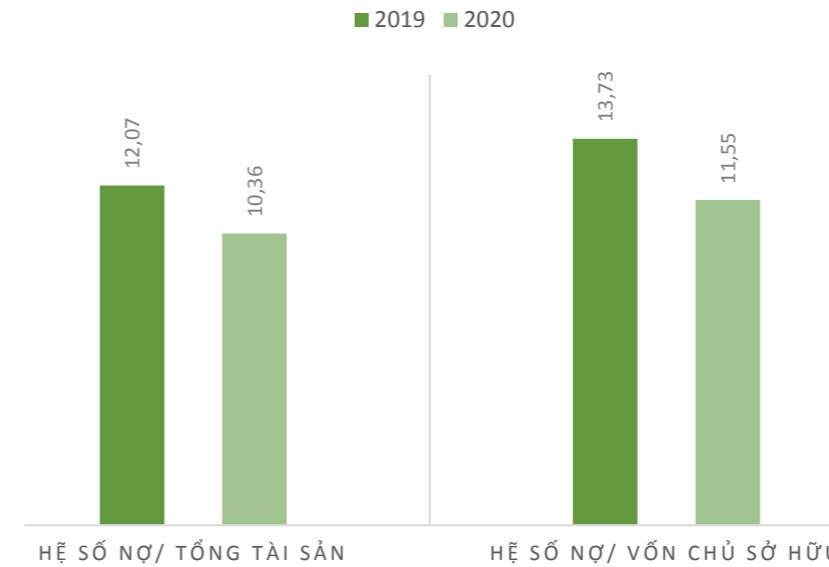
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi



Các hệ số về khả năng sinh lợi trong năm 2020 đều có sự tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm 2019 nhờ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả vượt trội, cho thấy khả năng sinh lợi từ tài sản và nguồn vốn của Công ty đang được cải thiện và nâng cao.

Cụ thể, hệ số LNST/Doanh thu thuần đạt 39,40%, tương đương tăng 27,58%; hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu đạt 60,83%, tương đương tăng 49,23%; hệ số LNST/Tổng tài sản đạt 54,08%, tương đương tăng 43,64%; hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 46,54%, tương đương tăng 32,48% so với cùng kỳ năm 2019.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

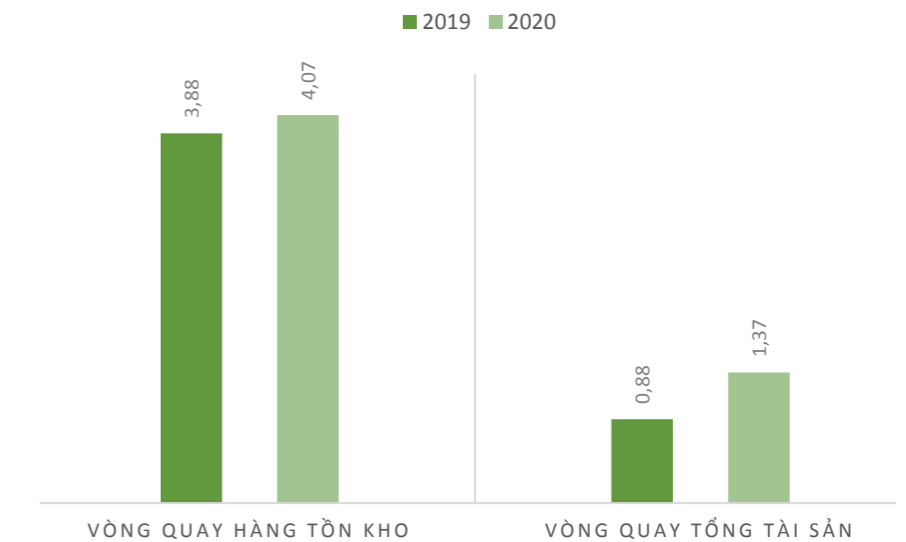


Hệ số Nợ/Tổng tài sản: Hệ số Nợ/Tổng tài sản không có sự chênh lệch quá lớn khi giảm 1,71% so với năm 2019. Tính đến ngày 31/12/2020, tổng nợ của Công ty đã tăng 4,17 tỷ đồng, tương đương tăng 16,07% chủ yếu là các khoản phải trả người lao động khi hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt. Trong khi đó, tổng tài sản đã tăng đến 35,31%, chủ yếu trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng nhờ thu tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: Tương tự với hệ số Nợ/Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu trong năm 2020 đã tăng 38,27% nhờ lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng cao so với năm 2019. Tính đến 31/12/2020, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng gấp 4 lần, đó hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đã giảm 2,18% so với năm 2019.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

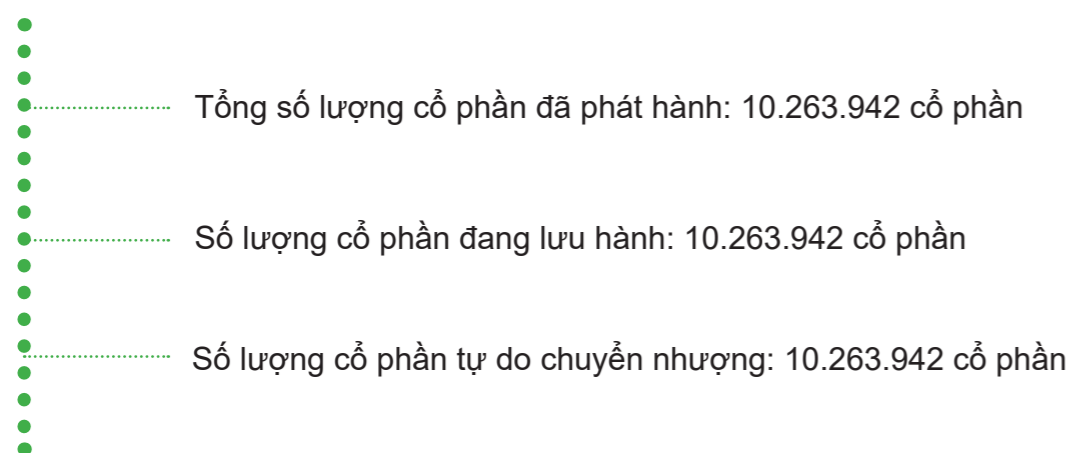
Vòng quay hàng tồn kho: Vì sản lượng thịt sản xuất trong năm tăng đáng kể so với năm 2019, do đó giá vốn hàng bán trong năm cũng sẽ tăng so với cùng kỳ. Tính đến ngày 31/12/2020, giá vốn hàng bán của Công ty đã tăng 11,99%, đồng thời hàng tồn kho bình quân năm nay cũng tăng so với năm 2019. Tuy nhiên mức tăng trong hàng tồn kho bình quân chỉ có 6,63%, do đó vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng từ 3,88 lên 4,07 vòng trong năm 2020, cho thấy khả năng hoạt động của doanh nghiệp ngày càng được nâng cao, hàng tồn kho được luân chuyển nhanh hơn và không bị ứ đọng.



Vòng quay tổng tài sản: Nhờ hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao từ việc cung cấp thịt lợn, doanh thu thuần của Công ty trong năm 2020 đã tăng đến 78,50%. Bên cạnh đó, tổng tài sản bình quân cũng tăng theo kết quả hoạt động của Công ty, tuy nhiên mức tăng của bình quân tổng tài sản chỉ ở mức 14,59%, do đó hệ số vòng quay tổng tài sản của Công ty đã tăng lên 1,37 vòng so với mức 0,88 vòng của năm 2019, cho thấy tài sản đang được sử dụng một cách hiệu quả hơn để mang lại doanh thu cho Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Danh sách cổ đông lớn

STT	TÊN CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG		SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ CP NĂM GIỮ (%)
		CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	CỔ ĐÔNG LỚN		
1	Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai – Một Thành Viên Công ty TNHH	X	X	8.654.142	84,32
2	Lê Thị Khánh Xương		X	810.000	7,89

Cơ cấu cổ đông

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	Cổ đông nhà nước	8.654.142	86.541.420.000	84,32%
II	Cổ đông trong nước	10.263.942	16.098.000.000	100%
1	Cá nhân	1.590.900	15.909.000.000	15,50%
2	Tổ chức	8.673.042	86.730.420.000	84,50%
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	Tổng cộng	10.263.942	102.639.420.000	100%



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh, DOLICO luôn đặt mục tiêu phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm với xã hội, cộng đồng như một nhiệm vụ và nét văn hóa của Công ty, đồng thời đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trách nhiệm với các bên liên quan

- Đối với khách hàng, người tiêu dùng: Công ty cam kết mang đến những sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh, đạt tiêu chuẩn và chất lượng hàng đầu, cung cấp kịp thời và đầy đủ nhu cầu của người tiêu dùng.
- Đối với cổ đông, nhà đầu tư: Công bố thông tin minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời, tạo ra môi trường đầu tư công bằng cho các nhà đầu tư. Xây dựng và thực hiện các chiến lược hoạt động tạo sự an tâm và sinh lợi bền vững cho cổ đông và nhà đầu tư. Công ty tiếp tục duy trì các kênh công bố thông tin thông qua website, báo cáo thường niên, đại hội cổ đông, hotline, email,...
- Đối với người lao động: đảm bảo thực hiện đúng các chính sách dành cho người lao động theo pháp luật Nhà nước, có các chế độ lương thưởng, đãi ngộ hợp lý để thúc đẩy tinh thần làm việc của nhân viên, tăng năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết tập thể.
- Đối với đối tác: Cùng hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, công bằng và có trách nhiệm với xã hội.
- Đối với chính quyền, cơ quan Nhà nước: tuân thủ nghiêm pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và đóng góp ngân sách địa phương theo quy định.
- Đối với cộng đồng: Cùng với chính quyền địa phương tổ chức và thực hiện các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ xây dựng và phát triển cộng đồng địa phương, cải thiện cuộc sống của người dân.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu đầu vào để chế biến thức ăn cho đàn gia súc luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu của Công ty bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đầu ra của sản phẩm. Năm 2020, công tác đảm bảo vật tự - nguyên liệu gặp khá nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 làm gián đoạn nguồn cung nguyên liệu. Tuy nhiên, bộ phận chuyên trách quản lý nguồn nguyên vật liệu của Công ty đã làm tốt nhiệm vụ, thường xuyên nghiên cứu thị trường, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, chăn nuôi đảm bảo chất lượng với giá cả hợp lý, xây dựng khẩu phần ăn đảm bảo năng suất đàn heo.



Tiêu thụ năng lượng và nước

Công ty chủ yếu sử dụng nguồn điện cho hệ thống làm mát, máy móc thiết bị sản xuất thức ăn, công nghệ giám sát sinh hoạt của đàn heo, hệ thống xử lý chất thải, hạn chế tác động tiêu cực lên môi trường. Nguồn nước được sử dụng cho mục đích vệ sinh chuồng trại, cung cấp nước uống và làm mát đàn heo. Công ty luôn chủ động nghiên cứu và thực hiện các giải pháp cần thiết, đổi mới, cải tiến trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chăn nuôi để tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu, giảm chi phí và bảo vệ môi trường.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật Nhà nước về bảo vệ môi trường. Đầu tư xây dựng, trang bị hệ thống xử lý khí thải, nước thải chăn nuôi tại tất cả các đơn vị. Sử dụng các chế phẩm sinh học trong thực đơn để hạn chế mùi hôi của chất thải chăn nuôi. Tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai các dự án mới, thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo cho các cơ quan chức năng để kịp thời có các biện pháp khắc phục những tác động từ hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo duy trì ổn định các chỉ tiêu môi trường theo quy định, phân loại, lưu giữ và có biện pháp xử lý đối với các chất thải nguy hại, thực hiện trồng thêm nhiều cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại để cải thiện chất lượng không khí.

PHẦN 3



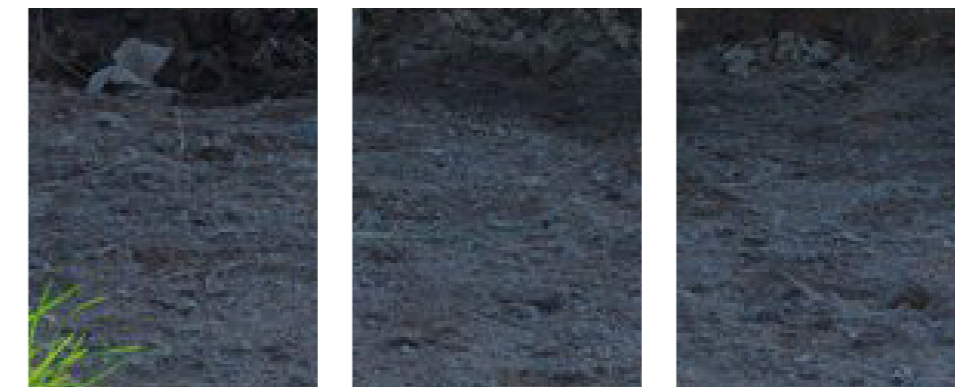
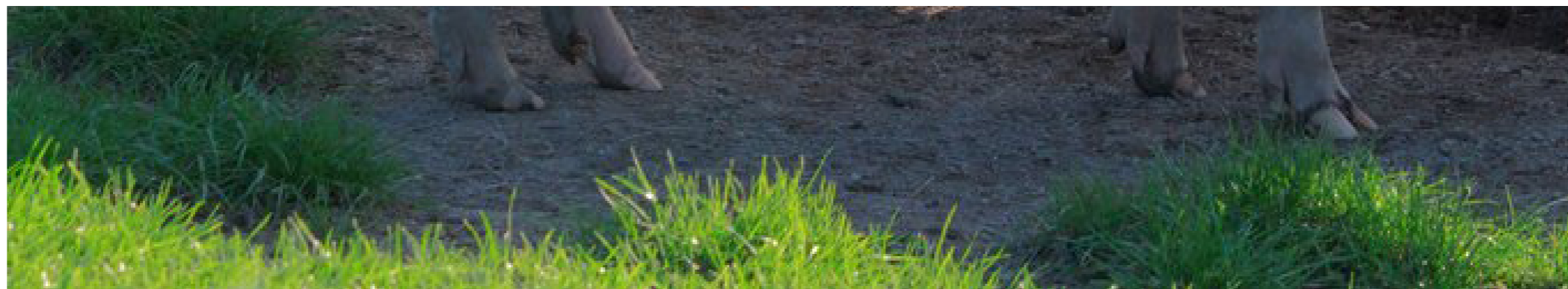
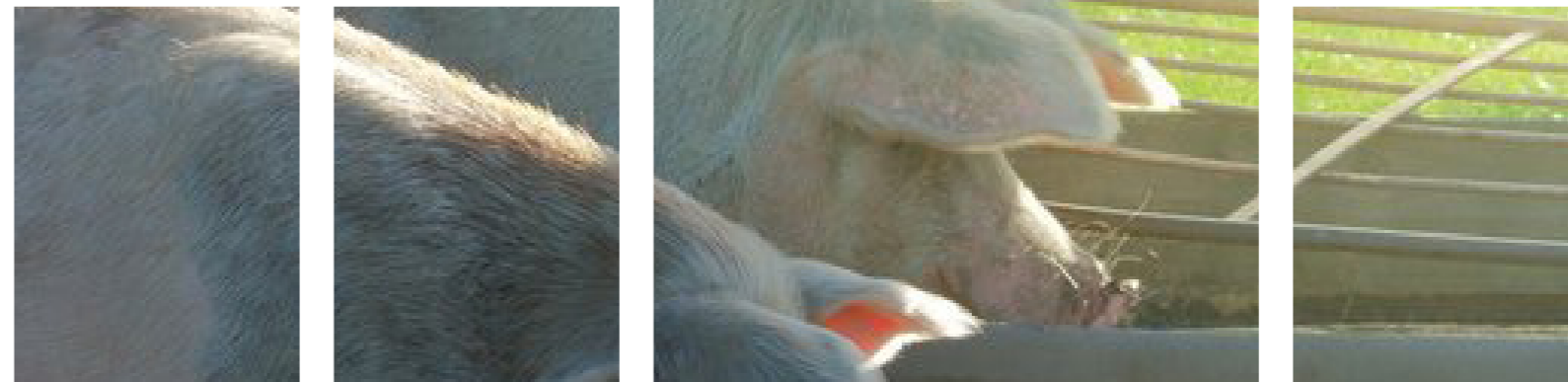
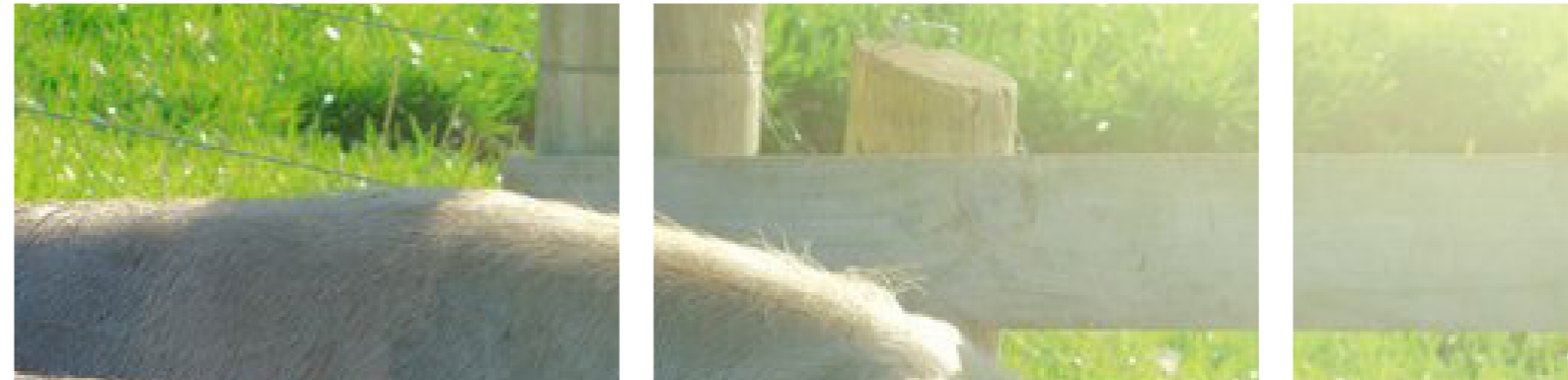
37	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
39	Tình hình tài chính
41	Cải tiến cơ cấu, chính sách quản lý
42	Kế hoạch phát triển tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Cùng với sự điều hành của Ban lãnh đạo, CBCNV từng bộ phận, phòng ban phối hợp thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Trong năm 2020, hoạt động sản xuất của Công ty đạt được các kết quả sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	SO SÁNH (%)	
					TH 2020/ KH 2020	TH 2020/ TH 2019
Sản lượng sản xuất	Tấn	4.526	3.360	4.603	136,99%	101,70%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	4.526	3.360	4.603	136,99%	101,70%
Tổng doanh thu	Tr.đ	199.688	219.180	355.594	162,24%	178,07%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	27.345	42.000	161.599	384,76%	590,99%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	17,10%	50,00%	122,00%	244,00%	713,40%

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty đạt 4.603 tấn, tương đương tăng 1,70% so với cùng kỳ năm 2019 và vượt 36,99% kế hoạch đề ra. Để đạt được kết quả này, Công ty đã có chiến lược phù hợp và thực hiện kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn heo.
- Bên cạnh chiến lược hoạt động phù hợp, nhờ sự chênh lệch cung cầu trong thị trường thịt lợn, giá bán năm nay tăng cao, giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh vượt trội với tổng doanh thu đạt 355,59 tỷ đồng, tương đương tăng 78,07% so với năm 2019.



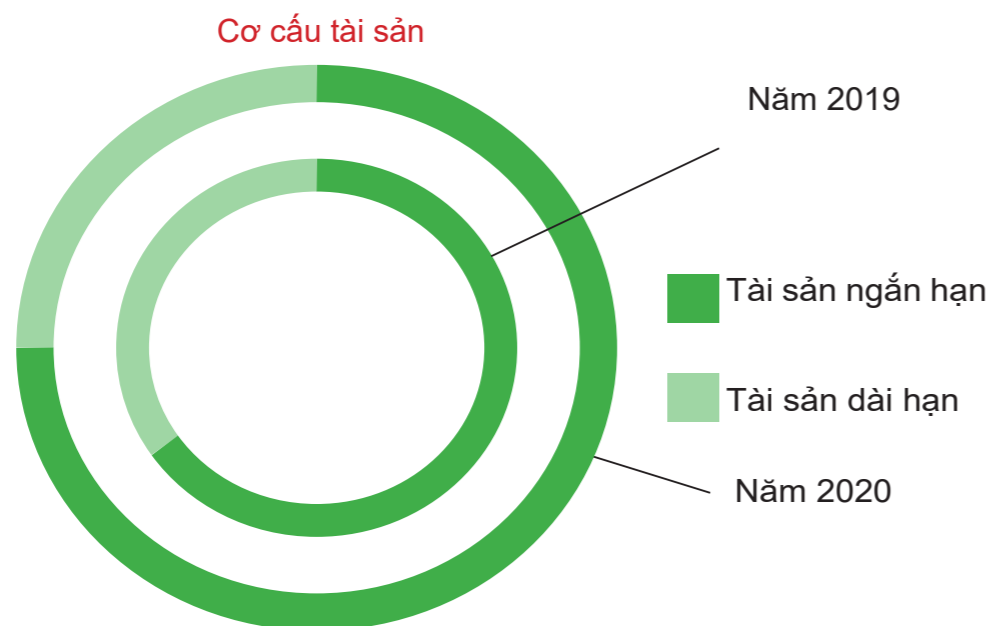
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Tình hình tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

KHOẢN MỤC	2019		2020	
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)
Tài sản ngắn hạn	137.491	63,94	217.828	74,87
Tài sản dài hạn	77.541	36,06	73.123	25,13
Tổng tài sản	226.529	100	290.951	100

Cơ cấu tài sản của Công ty có sự thay đổi đáng kể trong năm 2020, tổng tài sản đạt 290,95 tỷ đồng, tăng 28,44%. Tài sản ngắn hạn đạt mức 217,83 tỷ đồng, tương đương tăng 58,43% so với cùng kỳ năm 2019 và chiếm tỷ trọng 74,87% trong tổng tài sản (tăng 10,93% trong cơ cấu tài sản). Mức tăng trong tài sản ngắn hạn chủ yếu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền Công ty thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và gửi ngân hàng với thời hạn 6 tháng ở mức lãi suất 3,70%-5,50%. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn lại giảm 4,42 tỷ so với năm 2019, còn 73,12 tỷ đồng, tương đương giảm 5,70% và chiếm 25,13% trong tổng tài sản Công ty. Mức giảm chủ yếu là do các khoản giảm trừ hao mòn lũy kế trong tài sản cố định hữu hình.

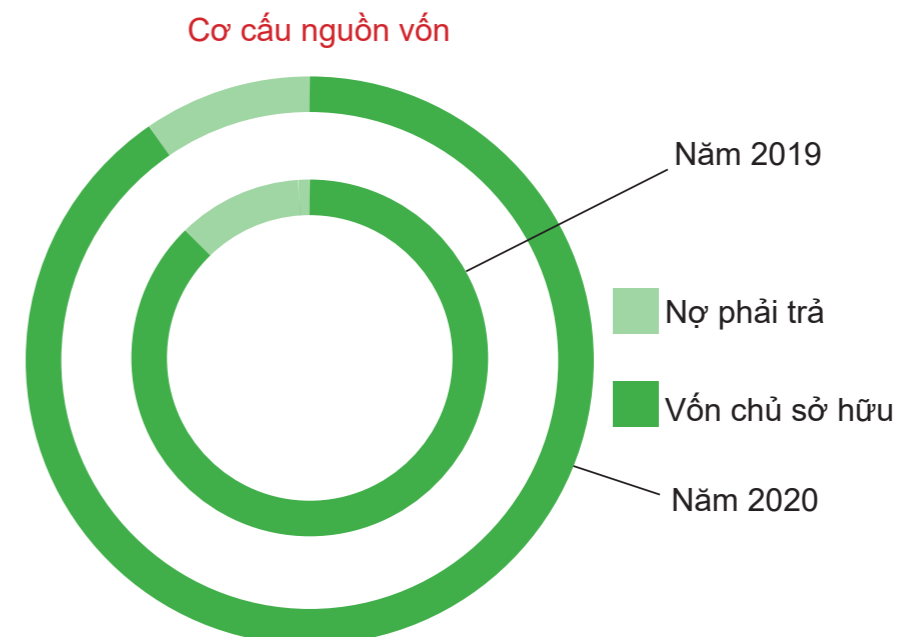


Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng

KHOẢN MỤC	2019		2020	
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)
Nợ phải trả	25.960	12,07	30.133	10,36
Vốn chủ sở hữu	189.072	87,93	260.817	89,64
Tổng nguồn vốn	215.032	100	290.950	100

Tổng nguồn vốn trong năm 2020 đạt mức 290,95 tỷ đồng, tương đương tăng 35,31% so với cùng kỳ. Trong đó, nợ phải trả là 30,13 tỷ đồng, tăng 16,07% do các khoản phải trả cho người lao động tăng lên khi kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả cao so với năm trước và kế hoạch đề ra. Vốn chủ sở hữu tăng đến 37,95%, đạt 260,82 tỷ đồng nhờ kết quả kinh doanh trong năm đạt hiệu quả vượt trội.



CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Giải pháp kỹ thuật



- Thực hiện kiểm tra thường xuyên sức khỏe đàn heo; tiêm vaccine phòng bệnh, cách ly, xử lý kịp thời khi phát hiện heo bệnh;
- Sử dụng công nghệ kỹ thuật mới trong công tác phối giống, sinh sản để làm tăng tỷ lệ phối, đậu thai và sinh đẻ, giảm thiểu tình trạng sảy thai, sinh non của heo mẹ.
- Nghiên cứu và áp dụng các chế độ ăn uống, thực đơn hợp lý, tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đầu vào có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đầu ra của đàn heo.

Giải pháp quản lý



- Phối hợp hoạt động giữa các bộ phận, phòng ban của Công ty một cách hiệu quả, nâng cao năng suất sản xuất – kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình kinh doanh và quy mô hiện tại của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

ĐVT: Triệu đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2021
1	Tổng doanh thu	270.000
2	Lợi nhuận trước thuế	51.500
3	Lợi nhuận sau thuế	43.335
4	Nộp ngân sách	9.058





PHẦN 4

- 45 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 46 Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc Công ty
- 47 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các tháng đầu năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị có chiều hướng thuận lợi, giá bán sản phẩm cao, tuy nhiên đơn vị không chủ quan do tình hình dịch tả lợn châu Phi vẫn còn đang diễn biến phức tạp, chưa có vaccine và thuốc điều trị.

Thêm vào đó là dịch bệnh viêm phổi do virus corona trên người đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội, các doanh nghiệp sản xuất và gây hậu quả khó lường tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong những tháng cuối năm 2020. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị đã linh động bám sát tình hình thực tế để cùng Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, quyết tâm trong sản xuất để đạt được thành quả lợi ích thiết thực cho người lao động và Quý cổ đông trong năm 2020. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2020 cụ thể như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020	TH 2020	TH 2020/ KH 2020
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	219.180	355.594	162,24
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	34.550	136.827	396,03
3	Nợ ngân sách	Triệu đồng	7.448	25.851	347,09
4	Chia cổ tức dự kiến	%	50%	122%	244%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2020, Ban Giám đốc công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng quy định; quản lý dòng tiền, hàng hóa tập trung, khoa học tạo tiền đề lớn cho việc quản lý hiệu quả trong luân chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu, quản lý công nợ; cân đối dòng tiền để thanh toán khoản nợ, không để tình trạng nợ đọng hoặc chậm trả nợ;
- Xây dựng và thực hiện những kế hoạch và chiến lược sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty; chi trả lương đúng hạn và đầy đủ; thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.
- Ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng trong năm 2020 trên cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông, đóng đầy đủ vào Ngân sách Nhà Nước.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch năm 2021

Trong tình hình hiện nay, để giữ vững sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, Hội đồng Quản trị xác định mục tiêu phấn đấu trong năm 2021 của Công ty như sau:

- Căn cứ tình hình thực tế phải đối mặt với những khó khăn của đơn vị chăn nuôi; năm 2020 tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất sản xuất, chất lượng quản trị Công ty;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Tập trung chỉ đạo phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, bắt cập trong thời gian qua để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty;
- Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh năm 2021.

Căn cứ những dự đoán của thị trường, nhận thức trách nhiệm trước cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, Hội đồng quản trị đăng ký kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2021
1	Tổng doanh thu	270.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	51.500.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	43.335.000.000
4	Nộp ngân sách	9.058.000.000

Định hướng thực hiện kế hoạch

Để đạt được các chỉ tiêu đề ra, Hội đồng quản trị Công ty đưa ra các định hướng như sau:

Thực hiện các biện pháp đầu tư phù hợp, hiệu quả

- Rà soát các chi phí đầu tư trong sản xuất để lựa chọn thứ tự ưu tiên, không đầu tư dàn trải, mục tiêu đầu tư phục vụ chính cho sản xuất, đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư, nhanh chóng đưa các công trình vào sử dụng được ngay cho SXKD để tạo lợi thế, tận dụng cơ hội kinh doanh.
- Tăng cường tiếp cận các nhà đầu tư chiến lược để mở hướng kinh doanh liên kết của ngành nghề chính trên cơ sở tính toán phải thực sự mang lại hiệu quả, đồng thời cân đối nguồn vốn, dòng tiền một cách hợp lý nhằm mục tiêu mang lợi ích tối đa cho các cổ đông.
- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô đàn heo của Công ty trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Công tác nhân lực

Để ổn định và phát triển lâu dài, HĐQT cùng Ban Giám đốc công ty thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, vận dụng các chế độ ưu đãi để thu hút lao động có tri tay nghề giỏi phục vụ lâu dài cho công ty

Công tác tài chính

- Phối hợp cùng Ban Kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính.
- Công khai minh bạch hóa các hoạt động rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, nâng cao hiệu quả của sử dụng đồng vốn và bảo toàn vốn trong sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục đầu tư thuộc lĩnh vực ngành nghề chính là phát triển chăn nuôi heo, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Tiết kiệm chi tiêu và quản lý chặt chi phí trong sản xuất, đưa ra các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn heo và trên con người để giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tế SXKD của đơn vị.



PHẦN 5



51	Hội đồng quản trị
53	Ban kiểm soát
54	Các khoản giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/ MIỄN NHIỆM	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	ĐINH VĂN HỒNG	Chủ tịch	29/04/2019	10/10	100%	
2	NGUYỄN DIÊN TƯỜNG	Phó Chủ tịch	29/08/2005	10/10	100%	
3	ĐỊNH NGỌC MẾN	Thành viên	29/04/2019	10/10	100%	
4	TRẦN MINH PHƯƠNG	Thành viên	06/08/2007	10/10	100%	
5	LÊ THỊ KHÁNH XƯƠNG	Thành viên	29/08/2005	10/10	100%	

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị giám sát các hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban Giám Đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật.
- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám Đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/NQ-HĐQT	21/02/2020	Thông qua kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý I năm 2020
2	02/NQ-HĐQT	16/03/2020	Thông nhất chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	03/NQ-HĐQT	07/05/2020	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các giải pháp thực hiện trong quý II năm 2020
4	04/NQ-HĐQT	05/06/2020	Thông nhất thời gian và chương trình, các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	05/NQ-HĐQT	30/06/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019
6	06/NQ-HĐQT	31/07/2020	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý III năm 2020
7	07/NQ-HĐQT	23/10/2020	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong 9 tháng năm 2020, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý IV năm 2020
8	08/NQ-HĐQT	02/11/2020	Thông qua việc tổ chức và tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
9	01/QĐ-HĐQT-NSS	08/05/2020	Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	SỐ BUỔI HỌP BAN KIỂM SOÁT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	HOÀNG NGỌC LONG	Trưởng ban	29/04/2019	3/3	100%	
2	TRẦN VŨ THỊ HẬU	Thành viên	22/04/2010	3/3	100%	
3	NGÔ THỊ CẨM HÀ	Thành viên	22/04/2010	3/3	100%	

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông

- Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan, Ban Giám đốc đã và đang triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

STT	CƠ QUAN QUẢN LÝ	LƯƠNG CÔNG VIỆC	THÙ LAO HĐQT, BKS	THƯỜNG
1	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN ĐIỀU HÀNH	868.454.219	233.000.000	692.145.000
2	BAN KIỂM SOÁT	163.404.637	62.000.000	145.500.000





PHẦN 6

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 27
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3600267730, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch
Ông Trần Minh Phương	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Mến	Ủy viên
Bà Lê Thị Khánh Xương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Diên Tường	Giám đốc
Ông Trần Minh Phương	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Long	Trưởng ban
Bà Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

HOA
HÀNH
C
S
/

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Diên Tường

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Số: 260321.006 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		217.827.557.735	137.490.973.722
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	21.594.703.345	30.997.844.027
111	1. Tiền		2.594.703.345	1.497.844.027
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	29.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	143.000.000.000	60.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		143.000.000.000	60.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.317.990.239	3.579.228.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	188.492.500	216.821.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		30.000.000	63.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	4.099.497.739	3.299.407.487
140	IV. Hàng tồn kho	07	48.914.864.151	42.913.901.208
141	1. Hàng tồn kho		48.914.864.151	42.913.901.208
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		73.123.126.499	77.540.830.866
220	II. Tài sản cố định		52.868.577.022	61.386.398.893
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	41.188.766.367	49.004.920.315
222	- Nguyên giá		110.039.709.719	108.675.409.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.850.943.352)	(59.670.489.404)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	11.679.810.655	12.381.478.578
228	- Nguyên giá		15.019.256.267	15.019.256.267
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.339.445.612)	(2.637.777.689)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	315.579.556	315.579.556
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		315.579.556	315.579.556
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	880.000.000	880.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.030.000.000	1.030.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(150.000.000)	(150.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.058.969.921	14.958.852.417
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	19.058.969.921	14.958.852.417
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.950.684.234	215.031.804.588

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30.133.481.802	25.960.164.255
310	I. Nợ ngắn hạn		30.133.481.802	25.744.164.255
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	928.030.152	3.186.839.644
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	15.669.050
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.638.388.451	4.396.697.806
314	4. Phải trả người lao động		10.860.558.072	6.755.988.971
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	6.724.752.163	5.444.610.514
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.981.752.964	5.944.358.270
330	II. Nợ dài hạn		-	216.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	-	216.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		260.817.202.432	189.071.640.333
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	259.977.202.432	188.021.640.333
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.639.420.000	102.639.420.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.639.420.000	102.639.420.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		61.726.444.013	61.699.975.012
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		95.611.338.419	23.682.245.321
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	819.000.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		95.611.338.419	22.863.245.321
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		840.000.000	1.050.000.000
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		840.000.000	1.050.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.950.684.234	215.031.804.588


Phan Thị Hiền Nhi
Người lập


Đinh Ngọc Mến
Kế toán trưởng




Nguyễn Diên Tường
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	347.266.754.650	194.548.892.550		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		347.266.754.650	194.548.892.550		
11	4. Giá vốn hàng bán	18	186.917.429.254	166.903.306.383		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.349.325.396	27.645.586.167		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	8.328.863.868	5.139.370.236		
22	7. Chi phí tài chính		24.718	150.420.055		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-		
25	8. Chi phí bán hàng	20	39.845.000	-		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	7.030.143.531	5.289.696.545		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		161.608.176.015	27.344.839.803		
31	11. Thu nhập khác		-	-		
32	12. Chi phí khác	22	9.100.000	-		
40	13. Lợi nhuận khác		(9.100.000)	-		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		161.599.076.015	27.344.839.803		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	24.771.969.596	4.342.794.482		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		136.827.106.419	23.002.045.321		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	13.331	1.633		

nhu

Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

mm

Đình Ngọc Mến
Kế toán trưởng



Nguyễn Diên Tường
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND	VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
01	1. Lợi nhuận trước thuế		161.599.076.015	27.344.839.803		
	2. Điều chỉnh cho các khoản					
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.882.121.871	9.805.561.996		
03	- Các khoản dự phòng		-	150.000.000		
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(513.607)	-		
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.328.350.261)	(5.139.370.236)		
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		163.152.334.018	32.161.031.563		
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		28.168.840	1.203.570.276		
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.000.962.943)	288.696.555		
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.465.747.739	6.406.434.375		
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.100.117.504)	551.507.623		
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.842.794.482)	(3.792.132.659)		
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.920.000	-		
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.448.960.806)	(5.532.468.215)		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		125.265.334.862	31.286.639.518		
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.364.300.000)	(5.816.169.028)		
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(294.500.000.000)	(217.500.000.000)		
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		211.500.000.000	223.300.000.000		
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.561.419.669	5.139.370.236		
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(76.802.880.331)	5.123.201.208		
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(57.866.108.820)	(35.923.797.000)		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(57.866.108.820)	(35.923.797.000)		
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.403.654.289)	486.043.726		
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.997.844.027	30.511.800.301		
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		513.607	-		
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	21.594.703.345	30.997.844.027		

nhu

Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

mm

Đình Ngọc Mến
Kế toán trưởng



Nguyễn Diên Tường
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3600267730, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 102.639.420.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 102.639.420.000 VND; tương đương 10.263.942 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 127 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 126 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi gia súc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Chế biến rau, củ, quả;
- Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
- Xây dựng địa ốc;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho;
- Bán buôn xe gắn máy;
- Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2020, do ảnh hưởng dịch bệnh tả Châu Phi làm cho nguồn cung khan hiếm, giá thị trường của heo thịt thương phẩm tăng cao dẫn đến doanh thu năm 2020 tăng mạnh so với năm 2019. Đồng thời, giá các nguyên vật liệu đầu vào như thuốc, thức ăn chăn nuôi để phục vụ cho công việc chăn nuôi heo không biến động nhiều. Do đó, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng khoảng 132,7 tỷ VND so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phước Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo giống Vĩnh Cửu	Tổ 11, Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Trại heo thịt thương phẩm Thạnh Phú	Tổ 8, Ấp 5, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền..

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là: lãi tỷ giá hối đoái được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- Chính sách ưu đãi thuế
Theo khoản 5, điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.
- Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động kinh doanh ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và mức thuế suất TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh thông thường cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Do Công ty tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh heo và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	220.511.146	96.994.222
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.374.192.199	1.400.849.805
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	29.500.000.000
	21.594.703.345	30.997.844.027

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 19 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 3,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	143.000.000.000	-	60.000.000.000	-
	143.000.000.000	-	60.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2020, khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 143 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Mã CK				
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	1.030.000.000	(150.000.000)	1.030.000.000	(150.000.000)
	1.030.000.000	(150.000.000)	1.030.000.000	(150.000.000)

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	1,00%	1,00%	Thương mại - dịch vụ

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Provimi	-	-	216.821.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng	188.492.500	-	-	-
	188.492.500	-	216.821.000	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi tiết nội dung số dư				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.716.435.610	-	949.505.018	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	91.240.000	-	58.800.560	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	17.107.500	-	11.025.105	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.405.000	-	7.350.070	-
Phải thu tiền các cổ đông về việc nộp ngân sách nhà nước (*)	2.215.470.774	-	2.215.470.774	-
Tạm ứng	-	-	26.000.000	-
Phải thu khác	47.838.855	-	31.255.960	-
	4.099.497.739	-	3.299.407.487	-

(*) Khoản tiền phải nộp về ngân sách nhà nước theo biên bản kiểm toán số 490/TB-KTNN KV XIII ngày 30/12/2019, Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và sẽ có quyết định xử lý tại cuộc họp Hội đồng quản trị sắp tới.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.689.105.618	-	3.719.445.609	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.225.758.533	-	39.194.455.599	-
	48.914.864.151	-	42.913.901.208	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Dự án xây dựng khu dân cư Dolico xã Thạnh Phú	315.579.556	315.579.556
	315.579.556	315.579.556

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	92.823.113.628	4.556.206.803	11.296.089.288	108.675.409.719
- Mua trong năm	-	45.000.000	837.300.000	882.300.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	482.000.000	-	-	482.000.000
Số dư cuối năm	93.305.113.628	4.601.206.803	12.133.389.288	110.039.709.719
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	50.523.171.329	3.227.480.080	5.919.837.995	59.670.489.404
- Khấu hao trong năm	7.872.148.018	384.573.984	923.731.946	9.180.453.948
Số dư cuối năm	58.395.319.347	3.612.054.064	6.843.569.941	68.850.943.352
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	42.299.942.299	1.328.726.723	5.376.251.293	49.004.920.315
Tại ngày cuối năm	34.909.794.281	989.152.739	5.289.819.347	41.188.766.367

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.475.463.441 VND

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của công ty là quyền sử dụng đất tại xã Suối Cao và Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là 15.019.256.267 VND và 3.339.445.612 VND, khấu hao đã trích trong năm 2020 là 701.667.923 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Giá trị đàn heo cơ bản	12.752.017.597	9.337.897.693
Chi phí thuê đất, đền bù đất (*)	4.514.803.748	3.248.358.718
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	158.611.250	267.550.659
Chi phí san ủi đất, đào ao, làm đường	-	59.437.172
Chi phí chuồng, trại, chi phí sửa chữa và các chi phí khác tại các trại chăn nuôi	1.633.537.326	2.045.608.175
	19.058.969.921	14.958.852.417

(*) Công ty thuê đất tại địa chỉ Khu 3A xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất ngày 08/03/2014 số 10/HĐTLĐ/2014 giữa Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai và phụ lục Hợp đồng thuê đất số 01/PLHĐTLĐ/2018 ngày 01/03/2018 để làm trại chăn nuôi heo, diện tích thuê là 84.892,3 m², thời gian thuê từ ngày 01/2018 đến ngày 28/02/2061. Công ty trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	459.852.000	459.852.000	1.504.794.500	1.504.794.500
Công ty Cổ phần Thức Ăn Chăn Nuôi Rico Đồng Nai	204.856.000	204.856.000	791.304.000	791.304.000
Công ty TNHH Đại Hòa	-	-	303.164.000	303.164.000
Công ty Cổ phần Masan Meatlife	181.047.960	181.047.960	-	-
Phải trả các đối tượng khác	82.274.192	82.274.192	587.577.144	587.577.144
	928.030.152	928.030.152	3.186.839.644	3.186.839.644

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	22.347.364	-	71.832.763	94.180.127	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.342.794.482	-	24.771.969.596	24.842.794.482	-	-	-	-	-	-	4.271.969.596
Thuế Thu nhập cá nhân	-	31.555.960	-	974.996.087	640.133.192	-	-	-	-	-	-	366.418.855
Thuế Tài nguyên	-	-	-	6.220.368	6.220.368	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	264.440.407	264.440.407	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	-	4.396.697.806	-	26.092.459.221	25.850.768.576	-	-	-	-	-	-	4.638.388.451

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	VND	VND
Kinh phí công đoàn	67.721.070	67.412.271
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	741.000.000	-
Phải trả tiền bảo hành các công trình	-	166.852.150
Phải trả ngân sách nhà nước	5.885.731.093	5.195.846.093
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.300.000	14.500.000
	6.724.752.163	5.444.610.514
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	216.000.000
	-	216.000.000

19

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	102.639.420.000	102.639.420.000	61.656.728.875	61.656.728.875	42.826.389.137	42.826.389.137	207.122.538.012	207.122.538.012
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	23.002.045.321	23.002.045.321	23.002.045.321	23.002.045.321
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	-	(138.800.000)	(138.800.000)	(138.800.000)	(138.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	43.246.137	43.246.137	(43.246.137)	(43.246.137)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.040.346.000)	(6.040.346.000)	(6.040.346.000)	(6.040.346.000)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(35.923.797.000)	(35.923.797.000)	(35.923.797.000)	(35.923.797.000)
Số dư cuối năm trước	102.639.420.000	102.639.420.000	61.699.975.012	61.699.975.012	23.682.245.321	23.682.245.321	188.021.640.333	188.021.640.333
Số dư đầu năm nay	102.639.420.000	102.639.420.000	61.699.975.012	61.699.975.012	23.682.245.321	23.682.245.321	188.021.640.333	188.021.640.333
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	136.827.106.419	136.827.106.419	136.827.106.419	136.827.106.419
Trích lập quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	-	-	26.469.001	26.469.001	(26.469.001)	(26.469.001)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽¹⁾	-	-	-	-	(6.104.435.500)	(6.104.435.500)	(6.104.435.500)	(6.104.435.500)
Chia cổ tức năm 2019 ⁽¹⁾	-	-	-	-	(17.551.340.820)	(17.551.340.820)	(17.551.340.820)	(17.551.340.820)
Tạm chia cổ tức năm 2020 ⁽²⁾	-	-	-	-	(41.055.768.000)	(41.055.768.000)	(41.055.768.000)	(41.055.768.000)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)	(160.000.000)	(160.000.000)
Số dư cuối năm nay	102.639.420.000	102.639.420.000	61.726.444.013	61.726.444.013	95.611.338.419	95.611.338.419	259.977.202.432	259.977.202.432

20

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 18/06/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	23.682.245.321
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,11	26.469.001
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25,78	6.104.435.500
Chi trả cổ tức (17,1%/vốn điều lệ)	74,11	17.551.340.820

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 27/11/2020, Công ty quyết định tạm chia cổ tức bằng tiền năm 2020 với tỷ lệ là 40%/vốn điều lệ.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	84,32	86.541.420.000	84,32	86.541.420.000
Các cổ đông khác	15,68	16.098.000.000	15,68	16.098.000.000
	100	102.639.420.000	100	102.639.420.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	102.639.420.000	102.639.420.000
- Vốn góp cuối năm	102.639.420.000	102.639.420.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	58.607.108.820	35.923.797.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.551.340.820	35.923.797.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	41.055.768.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(57.866.108.820)	(35.923.797.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.551.340.820)	(35.923.797.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	(40.314.768.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	741.000.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.263.942	10.263.942
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

đ) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	61.726.444.013	61.699.975.012
	61.726.444.013	61.699.975.012

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại các địa chỉ sau: Thửa số 326 Tờ bản đồ địa chính số 34 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 21.582 m²; Thửa số 221 Tờ bản đồ địa chính số 18 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 23.826 m²; Xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 191.283,4 m² để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2009 đến năm 2051. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 16.867,7 m² để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 487,5 m² để sử dụng với mục đích làm cửa hàng thực phẩm gia súc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	893,60	905,70
Đồng Euro (EUR)	118,62	129,54

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm	347.266.754.650	194.548.892.550
	347.266.754.650	194.548.892.550

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	186.917.429.254	166.903.306.383
	186.917.429.254	166.903.306.383

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	8.328.350.261	5.097.370.236
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	42.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	513.607	-
	8.328.863.868	5.139.370.236

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	39.845.000	-
	39.845.000	-

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.306.982	50.000.000
Chi phí nhân công	5.742.498.262	3.872.809.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.223.791	233.246.887
Thuế, phí, và lệ phí	166.357.358	182.713.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.751.866	501.244.494
Chi phí khác bằng tiền	212.005.272	449.681.975
	7.030.143.531	5.289.696.545

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	9.100.000	-
	9.100.000	-

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	161.599.076.015	27.344.839.803
Các khoản điều chỉnh tăng	771.100.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(42.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	162.370.176.015	27.302.839.803
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	154.041.312.147	22.355.469.567
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	8.328.863.868	4.947.370.236
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.771.969.596	4.342.794.482
- Chi phí thuế TNDN được ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 15%)	23.106.196.822	3.353.320.435
- Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	1.665.772.774	989.474.047
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.342.794.482	3.792.132.659
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(24.842.794.482)	(3.792.132.659)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh	4.271.969.596	4.342.794.482

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	136.827.106.419	23.002.045.321
Các khoản điều chỉnh	-	(6.243.235.500)
- Thu lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	(138.800.000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	(6.104.435.500)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	136.827.106.419	16.758.809.821
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.263.942	10.263.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.331	1.633

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.867.818.065	125.732.125.185
Chi phí nhân công	23.785.700.240	15.869.454.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.882.121.871	9.805.561.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.974.646.086	20.745.629.413
Chi phí khác bằng tiền	508.434.457	584.542.295
	198.018.720.719	172.737.312.889

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.594.703.345	-	30.997.844.027	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.287.990.239	-	3.516.228.487	-
Các khoản cho vay	143.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.030.000.000	(150.000.000)	1.030.000.000	(150.000.000)
	169.912.693.584	(150.000.000)	95.544.072.514	(150.000.000)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	7.652.782.315	8.847.450.158
	7.652.782.315	8.847.450.158

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	trở xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư dài hạn	-	-	880.000.000	880.000.000
	-	-	880.000.000	880.000.000
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư dài hạn	-	-	880.000.000	880.000.000
	-	-	880.000.000	880.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	trở xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.594.703.345	-	-	21.594.703.345
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.287.990.239	-	-	4.287.990.239
Các khoản cho vay	143.000.000.000	-	-	143.000.000.000
	168.882.693.584	-	-	168.882.693.584
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.997.844.027	-	-	30.997.844.027
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.516.228.487	-	-	3.516.228.487
Các khoản cho vay	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
	94.514.072.514	-	-	94.514.072.514

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	trở xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.652.782.315	-	-	7.652.782.315
	7.652.782.315	-	-	7.652.782.315
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.631.450.158	216.000.000	-	8.847.450.158
	8.631.450.158	216.000.000	-	8.847.450.158

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Chi phí tiền thuê đất		1.468.202.042	1.460.921.438
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	1.468.202.042	1.460.921.438
Chia cổ tức		49.415.150.820	30.289.497.000
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	49.415.150.820	30.289.497.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị			
- Ông Nguyễn Diên Tường	Giám đốc/ Phó Chủ tịch HĐQT	709.766.000	578.208.501
- Ông Trần Minh Phương	Phó Giám đốc/ Thành viên HĐQT	527.694.650	413.811.667
- Ông Phùng Khôi Phục	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2019)	-	12.000.000
- Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	55.000.000	32.000.000
- Ông Đinh Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	475.318.569	340.018.004
- Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2019)	-	10.400.000
- Bà Lê Thị Khánh Xương	Thành viên HĐQT	43.000.000	34.400.000

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Phan Thị Hiền Nhi
 Người lập


 Đinh Ngọc Mến
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Diên Tường
 Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021





Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

GIÁM ĐỐC



 Nguyễn Diên Tường